

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST  
Ngày: 29 – 9 - 2020  
*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Minh Suốt  
2. Ông Lâm Kim Mến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Văn M, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố D, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn M là bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện Tr, Tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2020.

- Đồng bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày:*

Nguyên trước đây ông Phạm Văn M có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị C thức ăn và thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm sú để vợ chồng ông V về bán lại cho người dân ở địa phương.

Việc giao dịch mua bán hai bên có lập sổ để theo dõi tiền nợ và được vợ chồng ông V ký xác nhận nợ. đến ngày 05/02/2018 giữa ông M và vợ chồng ông V ,bà C gặp nhau chốt lại tiền nợ thì vợ chồng ông V, bà C còn nợ ông M số tiền là 218.081.000 đồng và được bà C ký xác nhận nợ.

Sau khi phía ông V và bà C ký chốt nợ với ông M thì vợ chồng ông V ngưng giao dịch mua bán với ông M và cũng không trả tiền còn nợ cho ông M mặc dù ông M đã nhiều lần gặp vợ chồng ông V để yêu cầu vợ chồng ông V trả nợ cho ông M nhưng vợ chồng ông V cố tình hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ cho ông M

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N yêu cầu Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Phạm Văn M số tiền nợ là 261.522.735 đồng trong đó tiền gốc 218.081.000 đồng, tiền lãi chậm trả từ ngày 05/02/2018 đến ngày 10/02/2020 là 24 tháng tiền lãi số tiền 43.441.735 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Phi C vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông V, bà C đối với yêu cầu khởi kiện của ông M được .

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân T, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 70, 72, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện nguyên nghĩa vụ đúng theo quy định Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015 ; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Phạm văn M tổng số tiền gốc và lãi 275.183.256 đồng và tuyên án phí và lãi chậm trả ở giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn M yêu cầu ông ông Nguyễn Văn V và Bà Nguyễn Phi C thanh toán số tiền nợ gốc 218.081.000 đồng. Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C hiện cư trú ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện T, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Phi C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Phi C tại phiên tòa.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Phi C để ông V, bà C thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình về cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật và thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M. Nhưng, ông V, bà C vẫn không thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và nộp (gửi) ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông M theo quy định tại Điều 6 và Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn M xác định vào ngày 05/02/2018 giữa ông M và vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C hai bên có chốt sổ mua bán thì ông V và bà C còn nợ ông M số tiền là 218.081.000đồng, và bà C có ký giấy nợ với ông M. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông V và bà C nhưng tại biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được lập ngày 20/5/2020 ông V thừa nhận “có nợ tiền mua bán thức ăn của ông Phạm văn M nhưng số tiền bao nhiêu thì ông Nguyễn Văn V không biết. Do thường ngày việc mua bán do bà Nguyễn Phi C đứng ra giao dịch với ông Phạm Văn M.” (BL 39) đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ xác định ông Phạm Văn M có giao dịch hợp đồng mua bán tài sản với ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C là việc có thật xảy ra trong thực tế.

Theo Điều 430 quy định “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.*” .....

Xét thấy khi thực hiện hợp đồng mua bán ông M đã giao tài sản cho bên mua là ông V và bà C, khi hai bên chốt nợ thì vợ chồng V và bà C còn nợ tiền mua thức ăn của ông M số tiền là 218.081.000 đồng đến nay chưa thanh toán, đây là lỗi vi phạm hợp đồng do phía ông V và bà C gây ra làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M nên ông V và bà C phải chịu hậu quả do vi phạm hợp đồng đối với ông Phạm Văn M. Vì vậy, Tại phiên tòa

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C cùng có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Phạm Văn M số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 218.081.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C phải thanh toán cho ông Phạm Văn M số tiền nợ 218.081.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với lãi suất ông M cho rằng do phía ông V và bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông nên ông M yêu cầu vợ chồng ông V và bà C phải trả tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 16/02/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi do pháp luật quy định.

Về nghĩa vụ trả tiền qui định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự như sau:

“ Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Với mức lãi 10%/năm.

Như vậy việc ông M yêu cầu vợ chồng ông V và bà C trả tiền lãi trên số tiền gốc cho ông M là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc ông V và bà C có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền gốc cho ông M từ ngày 16/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 31 tháng 13 ngày với số tiền lãi là: 57.102.256 đồng là có căn cứ.

(Vốn 218.081.000 đồng x 0,833% : 30 ngày x 943 ngày = 57.102.256 đồng)

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M được chấp nhận nên đồng bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C phải chịu 5% tiền án phí trên tổng số tiền phải thanh toán cho ông M số tiền án phí là 13.759.162 đồng . (5% x 275.183.256 đồng = 13.759.162 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M được chấp nhận nên ông M không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền nộp tạm ứng phí 6.538.000 đồng theo biên lai thu số 0000263 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Các ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, d tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn M đòi đồng bị đơn Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C số tiền nợ mua thức ăn nuôi tôm tiền vốn và tiền lãi là 275.183.256 đồng ( Hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C phải thanh toán cho Phạm Văn M số tiền vốn và tiền lãi là 275.183.256 đồng ( Hai trăm bảy mươi lăm triệu một trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng).

**2.** Về án phí: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Phi C phải nộp 13.759.162 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Phạm Văn M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.538.000 đồng theo biên lai thu số 0000263 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Út**